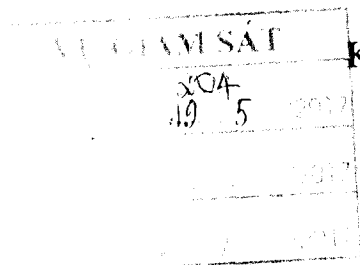


Số: 1883/LĐT BXH-TCGDNN

Hà Nội, ngày 17 tháng 5 năm 2017

V/v trả lời chất vấn của
ĐBQH Cao Đình Thương



Kính gửi:

- Đại biểu Quốc hội Cao Đình Thương,
Phó Trưởng Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Phú Thọ;
- Tổng Thư ký Quốc hội.

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội nhận được văn bản số 553/TTKQH-GS ngày 04/4/2017 của Tổng Thư ký Quốc hội về việc chuyển chất vấn của đại biểu Quốc hội Cao Đình Thương, Phó Trưởng Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Phú Thọ, với nội dung “Việt Nam đang trong quá trình thực hiện chiến lược phát triển đất nước nên đòi hỏi chất lượng lao động phải cao với một cơ cấu hợp lý hơn. Trong khi đó công tác đào tạo nghề vẫn chưa đáp ứng yêu cầu, tồn tại nhiều yếu kém kéo dài, dẫn đến chất lượng nguồn nhân lực không được cải thiện. Tỷ lệ thất nghiệp của lao động qua đào tạo ở bậc đại học, cao đẳng tiếp tục gia tăng. Tỷ lệ lao động có chuyên môn kỹ thuật đáp ứng nhu cầu của xã hội, nhất là các khu công nghiệp, khu chế xuất thấp. Công tác phân luồng học sinh trung học sau nhiều năm chưa được giải quyết tốt. Chính sách tài chính đối với công tác đào tạo lạc hậu, kém hiệu quả, lãng phí, không tạo được môi trường cạnh tranh lành mạnh thúc đẩy các cơ sở đào tạo phải đổi mới toàn diện, mạnh mẽ để đáp ứng yêu cầu và nhu cầu của xã hội. Đề nghị Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cho biết vì sao đến nay chúng ta chưa giải quyết được vấn đề này, trách nhiệm như thế nào và giải pháp giải quyết được những tồn tại, hạn chế này”. Về nội dung Đại biểu chất vấn, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội báo cáo như sau:

Trong những năm qua, công tác đào tạo nghề đã từng bước phát triển, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của đất nước: hệ thống các cơ sở giáo dục nghề nghiệp phát triển cả về quy mô và chất lượng đào tạo; Đội ngũ nhà giáo phát triển nhanh cả về số lượng và chất lượng; Cấu trúc chương trình được xây dựng theo mô đun tích hợp kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành, kỹ năng mềm, kỹ năng khởi nghiệp và thái độ nghề nghiệp, đảm bảo sự liên thông giữa các cấp trình độ đào tạo; Đào tạo nghề đã chuyển từ hướng cung sang hướng cầu, gắn với doanh nghiệp, từng bước đáp ứng nhu cầu thị trường lao động.

Đa số học sinh, sinh viên học nghề ra trường đều có việc làm, tỷ lệ học nghề tốt nghiệp có việc làm ngay sau khi tốt nghiệp đạt trên 80%, một số nghề đạt tỷ lệ khá như: Điện dân dụng: 96%; Hàn: 91%; Nguội sửa chữa máy công cụ: 91%; Kỹ thuật sửa chữa và lắp ráp máy tính: 88%; Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí: 85%,... Theo đánh giá của các doanh nghiệp, 80% - 85% số lao động qua đào tạo nghề được sử dụng đúng trình độ đào tạo, trong đó có 30%

học sinh, sinh viên tốt nghiệp có kỹ năng nghề từ khá trở lên. Một số nghề (nghề Hàn, nghề Dịch vụ nhà hàng, Nấu ăn, Thủy thủ tàu biển, Thuyền trưởng và một số nghề thuộc lĩnh vực viễn thông, dầu khí, điện, cầu đường...) kỹ năng nghề của một bộ phận lao động Việt Nam đã đạt chuẩn quốc tế. Học sinh, sinh viên Việt Nam dự thi các kỳ thi tay nghề ASEAN, luôn đạt được thành tích tốt, Đoàn Việt Nam thường xuyên đạt TOP 3 ASEAN. Lao động qua đào tạo nghề đã tham gia vào hầu hết các lĩnh vực của nền kinh tế quốc dân và đảm nhận được ngày càng nhiều các vị trí công việc phức tạp mà trước đây phải do lao động kỹ thuật nước ngoài thực hiện.

Tuy nhiên, như đại biểu đã nêu, chất lượng nguồn nhân lực nước ta hiện nay còn thấp, cơ cấu lao động còn bất hợp lý; vẫn còn tồn tại những hạn chế trong công tác đào tạo nghề, cần sớm có những giải pháp để tháo gỡ, khắc phục. Có nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan dẫn đến tình trạng trên như:

- Nhận thức của nhiều cấp uỷ, chính quyền địa phương, cơ sở giáo dục nghề nghiệp (GDNN), doanh nghiệp và cộng đồng về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của GDNN, đào tạo nhân lực có tay nghề cao chưa đầy đủ, thiếu thống nhất; tư tưởng coi trọng bằng cấp còn phổ biến trong xã hội. Công tác tuyên truyền, tư vấn và hướng nghiệp còn nhiều hạn chế, chưa làm cho xã hội, nhất là học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông, trung học cơ sở, thanh niên nhận thức rõ hiệu quả của việc tham gia học nghề.

- Thực hiện phân luồng học sinh sau khi tốt nghiệp trung học phổ thông, trung học cơ sở ở các cấp từ trung ương đến địa phương vào học nghề chưa hiệu quả.

- Còn thiếu cơ chế chính sách đãi ngộ cho đội ngũ nhà giáo, người học nghề, người tốt nghiệp học nghề, cơ sở GDNN, doanh nghiệp tham gia vào quá trình đào tạo; trách nhiệm giải trình của các cơ sở GDNN chưa được xác định rõ ràng.

- Dự báo nhu cầu nhân lực về cơ cấu ngành nghề và trình độ đào tạo chưa phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội theo từng giai đoạn.

- Hiện nay, chi giáo dục, đào tạo chiếm khoảng 20% tổng chi ngân sách nhà nước, trong đó đào tạo giáo dục nghề nghiệp chỉ đạt khoảng 3-4%/tổng chi cho giáo dục, đào tạo, dạy nghề. Việc huy động các nguồn lực đầu tư cho GDNN chưa đáp ứng yêu cầu phát triển. Những năm gần đây, ngân sách nhà nước đầu tư cho GDNN tuy có tăng nhưng vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu, chưa tương xứng với mục tiêu nhiệm vụ đề ra; nhiều địa phương chưa ưu tiên nguồn lực đầu tư cho phát triển GDNN.

Với trách nhiệm là cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực lao động, việc làm và dạy nghề, để khắc phục những tồn tại, hạn chế nêu trên, tạo sự chuyên biến mạnh mẽ về chất lượng, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng nhu cầu nhân lực kỹ thuật trực tiếp của thị trường lao động trong nước và hội nhập quốc tế, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, thực hiện chuyển dịch cơ cấu lao động, nâng cao thu nhập, giảm nghèo bền vững, đảm bảo an sinh xã hội, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đang đề xuất với Chính phủ và tập trung thực hiện một số giải pháp trọng tâm, mang tính đột phá sau:

1. Xây dựng chuẩn áp dụng trong lĩnh vực GDNN tiếp cận với các chuẩn mực của khu vực ASEAN và một số nước phát triển trên thế giới (chuẩn đầu ra, các chuẩn về cơ sở vật chất, thiết bị, giáo viên, cán bộ quản lý, chuẩn về kiểm định chất lượng).

2. Đổi mới chính sách đầu tư cho công tác dạy nghề theo hướng giảm dần bao cấp. Tăng cường tự chủ của cơ sở giáo dục nghề nghiệp, khuyến khích các trường hạch toán như doanh nghiệp nhà nước; đẩy mạnh xã hội hóa một số loại hình dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực GDNN. Hướng đến phát triển việc làm bền vững, giao quyền tự chủ chọn loại hình, ngành nghề đào tạo phù hợp từng loại hình đào tạo, tổ chức bộ máy, chương trình, mã ngành. Tự chủ từng bước chuyển từ việc giao dự toán ngân sách cho các cơ sở GDNN công lập sang thực hiện phương thức đặt hàng, đấu thầu, giao nhiệm vụ theo đầu ra không phân biệt cơ sở công lập, ngoài công lập. Có cơ chế khuyến khích doanh nghiệp, xã hội đầu tư vào đào tạo nghề; có quy định tỷ lệ ngân sách chi cho GDNN trong tổng chi ngân sách cho giáo dục, đào tạo phù hợp.

3. Tăng cường sự tham gia của doanh nghiệp trong hoạt động GDNN tạo sự liên kết chặt chẽ giữa doanh nghiệp - người sử dụng lao động - cơ sở đào tạo và người lao động; ban hành một số chính sách thu hút doanh nghiệp tham gia GDNN (thuế, ưu đãi về đất, vay vốn ...) và triển khai một số mô hình hợp tác với doanh nghiệp trong lĩnh vực GDNN của các nước phát triển (như mô hình đào tạo kép của CHLB Đức). Tăng cường trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp trong việc xây dựng chương trình, tham gia đào tạo, đánh giá kết quả người học, cung cấp thông tin nhu cầu ..., đồng hành cùng các cơ sở GDNN.

4. Tập trung rà soát, quy hoạch lại mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo hướng chú trọng đào tạo nghề dài hạn, có sự phân tầng chất lượng, ưu tiên đào tạo những nghề mũi nhọn đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

5. Đổi mới chương trình đào tạo và phương pháp đào tạo.

- Phối hợp các bộ ngành, doanh nghiệp, tập đoàn kinh tế xây dựng chuẩn đầu ra theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam; căn cứ vào chuẩn đầu ra, các cơ sở GDNN tổ chức xây dựng chương trình đào tạo gắn với nhu cầu sản xuất kinh doanh, thị trường lao động theo từng ngành, vùng. Đổi mới chương trình đào tạo từ chương trình tách biệt giữa lý thuyết và thực hành sang chương trình đào tạo tích hợp giữa kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành và năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm của người học, đáp ứng với các đơn vị năng lực của vị trí việc làm. Tăng cường nội dung về các kỹ năng mềm, khởi nghiệp. Tăng thời lượng thực hành, đảm bảo trên 50%; tăng thời gian thực tập tại doanh nghiệp.

- Lựa chọn áp dụng chương trình đào tạo của các nước phát triển trong khu vực ASEAN và thế giới.

6. Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý của cơ sở GDNN đáp ứng yêu cầu đổi mới, nâng cao chất lượng GDNN.

- Ban hành chuẩn nhà giáo GDNN theo các cấp độ quốc gia, khu vực ASEAN và quốc tế; tăng cường đào tạo, bồi dưỡng kỹ sư, cử nhân về kỹ năng,

ng nghiệp vụ sư phạm trở thành nhà giáo GDNN; quy định nhà giáo phải định kỳ thực tập tại doanh nghiệp.

- Ban hành tiêu chuẩn chức danh cán bộ quản lý nhà nước về GDNN các cấp và của cơ sở GDNN; đào tạo, bồi dưỡng để chuẩn hóa đội ngũ cán bộ quản lý GDNN.

7. Nâng cao hiệu quả công tác truyền thông tư vấn, hướng nghiệp trong GDNN và hoạt động khởi nghiệp.

8. Phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo đẩy mạnh công tác hướng nghiệp, phân luồng học sinh sau trung học tham gia học nghề.

- Xây dựng Đề án trình Chính phủ ban hành các chính sách để đẩy mạnh phân luồng học sinh sau trung học cơ sở vào hệ thống GDNN. Đây là giải pháp rất căn bản, nhằm tạo “lực đẩy”.

- Đổi mới và nâng cao chất lượng đào tạo của các cơ sở GDNN, nhằm thu hút nhiều học sinh sau trung học vào học nghề. Giải pháp này là giải pháp tạo “lực hút”.

- Phát triển hệ thống thông tin thị trường lao động để gắn kết cung cầu trong đào tạo nghề nghiệp, theo đó, các doanh nghiệp phải có trách nhiệm cung cấp những thông tin về nhu cầu sử dụng lao động theo ngành nghề, trình độ và kỹ năng cần cho doanh nghiệp; phía các cơ sở GDNN cần cung cấp cho doanh nghiệp các thông tin về ngành nghề đào tạo, chất lượng “đầu ra”... Các thông tin này được kết nối, được chia sẻ thông qua hệ thống mạng thông tin thị trường lao động một cách công khai.

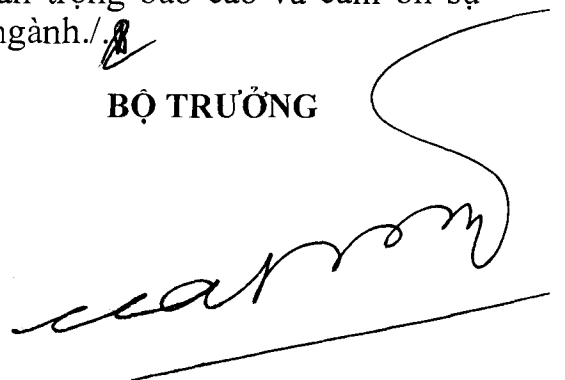
- Thực hiện liên thông giữa hệ thống GDNN với hệ thống đại học, tạo cơ hội cho người lao động nâng cao trình độ, đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời của người dân; đổi mới công tác sử dụng lao động trong các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, trước hết là đổi mới công tác tuyển dụng, chính sách trả lương....

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trân trọng báo cáo và cảm ơn sự quan tâm của Đại biểu đối với lĩnh vực của Bộ, ngành./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ủy ban VHGD TNTNND của QH;
- Ủy ban về các vấn đề xã hội của QH;
- Vụ phục vụ Hoạt động giám sát, VPQH;
- Chủ nhiệm VPQH;
- Bộ trưởng, Chủ nhiệm VPCP;
- Bộ LĐTBXH: Bộ trưởng, các Thứ trưởng;
- Trưởng đoàn Đại biểu QH tỉnh Phú Thọ;
- Lưu: VT, TCGDNN.

BỘ TRƯỞNG



Đào Ngọc Dung